

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



---

Tháng 3 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20

12/10/2011  
CHỈ  
12/10/2011

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị :

Ông Nguyễn Minh Cương	Chủ tịch
Ông Đoàn Kim Đồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Minh	Ủy viên ( Miễn nhiệm ngày 12/03/2011 )
Ông Tăng Văn Chúc	Ủy viên
Ông Tân Tú Hải	Ủy viên
Bà Đặng Thị Tươi	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Ủy viên ( Miễn nhiệm ngày 12/03/2011 )
<b>Ông Lê Minh Hùng</b>	Ủy viên
Ông Hoàng Quốc Vương	Ủy viên ( Bỏ nhiệm ngày 12/03/2011)

##### Ban Giám đốc:

Ông Đoàn Kim Đồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bất Hùng	Phó Tổng Giám đốc ( Bỏ nhiệm ngày 01/04/2011)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG  
Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đoàn Kim Đông**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

HHH \* ION



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2822/2012/BCKT-IFC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là "Công ty") từ trang 6 đến trang 20 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Hạn chế về phạm vi kiểm toán

- Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty vào thời điểm ngày 31/12/2011. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về mặt giá trị và tính hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm 31/12/2011 cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.
- Việc kiểm toán khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cũng như khoản mục tài sản cố định được hình thành từ việc Công ty tự đầu tư xây dựng nhưng chưa được kiểm toán quyết toán vốn đầu tư nhằm đưa ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường mà không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình cơ bản hoàn thành. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được trình bày trên mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cũng như tài sản cố định hữu hình là Tổ hợp tài sản Thủy Điện Bản Cốc trị giá 386.013.587.128 đồng, Tổ hợp tài sản Thủy điện Sao Va trị giá 40.580.324.150 đồng và chi phí khấu hao tương ứng của tài sản này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

### Hạn chế về phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

- Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ công nợ cuối năm với một số khoản công nợ phải thu, trả trước cho người bán, phải trả người bán và tạm ứng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ phải thu, phải trả, và tạm ứng chưa được đối chiếu tại thời điểm ngày 31/12/2011 cũng như những ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.
- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 67.663.840.452 đồng. Điều này dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ và vay đến hạn để có thời gian thu xếp trả nợ. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.


### Không thống nhất trong xử lý kế toán


Trong năm Công ty chưa thực hiện kết chuyển hết chi phí lãi vay để xác định kết quả kinh doanh với giá trị khoảng 12.080.680.721 đồng. Theo đó chi phí tài chính đang bị phản ánh thấp và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đang phản ánh cao hơn với giá trị tương ứng. Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các hạn chế về phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



  
Phạm Tiến Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài  
chính Quốc tế (IFC)  
Ngày 28 tháng 03 năm 2012

  
Nguyễn Như Phương  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 2021/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.190.310.982</b>	<b>42.589.383.990</b>
<b>I. Tiền và khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>718.464.546</b>	<b>4.015.205.651</b>
1. Tiền	111	V.1	718.464.546	4.015.205.651
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.636.066.152</b>	<b>35.549.339.521</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		13.129.441.049	9.295.400.015
2. Trả trước cho người bán	132		20.480.771.636	26.228.086.039
3. Các khoản phải thu khác	135		25.853.467	25.853.467
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.2</b>	<b>716.494.928</b>	<b>661.192.749</b>
1. Hàng tồn kho	141		716.494.928	661.192.749
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.119.285.356</b>	<b>2.363.646.069</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		32.710.285	32.710.285
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	2.086.575.071	2.330.935.784
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>446.387.943.977</b>	<b>434.029.226.143</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>434.307.263.256</b>	<b>428.475.338.039</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	397.320.751.747	386.638.013.268
- Nguyên giá	222		429.276.490.808	393.032.498.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.955.739.061)	(6.394.485.020)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	-	26.028.127
- Nguyên giá	228		173.000.000	173.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.000.000)	(146.971.873)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	36.986.511.509	41.811.296.644
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.080.680.721</b>	<b>5.553.888.104</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	12.080.680.721	5.553.888.104
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>483.578.254.959</b>	<b>476.618.610.133</b>

TRÁ  
KI  
TÚ  
CÁI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>316.141.151.434</b>	<b>285.938.971.484</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>109.854.151.434</b>	<b>51.358.971.484</b>
1. Vay ngắn hạn	311	V.8	19.923.000.000	6.700.000.000
2. Phải trả người bán	312		48.646.897.994	32.105.800.605
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	3.066.923.021	2.815.724.288
5. Phải trả người lao động	315		401.880.529	970.314.542
5. Chi phí phải trả	316	V.10	32.415.604.658	8.545.823.287
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	5.399.845.232	221.308.762
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>206.287.000.000</b>	<b>234.580.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	206.287.000.000	234.580.000.000
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>167.437.103.525</b>	<b>190.679.638.649</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>167.437.103.525</b>	<b>190.679.638.649</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		191.831.000.000	192.331.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.905.426.475)	(2.162.891.351)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		511.530.000	511.530.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>483.578.254.959</b>	<b>476.618.610.133</b>



Đoàn Kim Đồng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2012

Trần Thị Thúy  
Phó phòng kế toán

11/11  
CỔ  
ĐIỂM  
VÀ  
QU  
/S/



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	48.005.720.600	42.053.131.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		48.005.720.600	42.053.131.815
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34.534.766.767	9.064.180.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.470.953.833	32.988.951.621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		173.658.305	49.902.102
7. Chi phí tài chính	22		35.360.886.522	31.520.484.600
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.360.886.522	31.520.484.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.859.484.049	2.836.415.858
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.575.758.433)	(1.318.046.735)
11. Thu nhập khác	31	VI.3	4.498.991.032	-
12. Chi phí khác	32		1.665.767.723	-
13. Lợi nhuận khác	40		2.833.223.309	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.742.535.124)	(1.318.046.735)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22.742.535.124)	(1.318.046.735)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(1.208)	(80)



*Đoàn Kim Đông*  
Đoàn Kim Đông  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

*Trần Thị Thúy*  
Trần Thị Thúy  
Phó phòng kế toán

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	53.006.538.860	55.634.321.310
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(12.262.074.401)	(5.098.314.860)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.249.440.900)	(4.269.254.514)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(19.926.003.501)	(24.673.731.208)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	603.197.598	-
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(9.001.741.339)	(3.851.599.136)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.170.476.317</b>	<b>17.741.421.592</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(70.875.727)	(15.893.075.497)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(12.579.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	12.579.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	173.658.305	49.902.102
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>102.782.578</b>	<b>(15.843.173.395)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.500.000.000	27.598.133.617
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.600.000.000	18.008.073.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.670.000.000)	(43.539.354.899)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.570.000.000)</b>	<b>2.066.851.718</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(3.296.741.105)</b>	<b>3.965.099.915</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.015.205.651</b>	<b>50.105.736</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>718.464.546</b>	<b>4.015.205.651</b>



Đoàn Kim Đông  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Trần Thị Thúy  
Phó phòng kế toán

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 ngày 17 tháng 12 năm 2011, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 7 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 445.000.000.000 đồng và 6.000.000.000 đồng.

**Cổ đông sáng lập**

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền góp đến
		vốn góp (%)	31/12/2011 VND
Công ty Tài chính Bưu điện	4.151.850	9%	15.536.280.000
Công ty TNHH Tư vấn TK XD và CN Hà Nội	2.790.150	6%	9.400.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	22.330.100	50%	108.731.920.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Việt Nam {i}	4.005.000	9%	-
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	3.115.000	7%	6.000.000.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	4.005.000	9%	20.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.397.100</b>	<b>91%</b>	<b>160.168.200.000</b>

{i}: Trong năm 2006, Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô II đã nhận lại quyền sở hữu và nghĩa vụ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Việt Nam với phần vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 120 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 120 người)

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện ;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 67.663.840.452 đồng dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn và lãi vay để có thời gian thu xếp trả nợ. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ( TIẾP THEO)**

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản cố định ước tính như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được khấu hao trong thời gian 5 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ( TIẾP THEO )**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng. Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo từng loại chi phí từ 01 đến 03 năm kể từ khi xuất đưa vào sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Theo quy định hiện hành Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	10.707.529	10.336.572
Tiền gửi ngân hàng	707.757.017	4.004.869.079
<b>Cộng</b>	<b>718.464.546</b>	<b>4.015.205.651</b>

**2. Hàng tồn kho**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.494.928	61.192.749
Chi phí SXKD dở dang	600.000.000	600.000.000
<b>Giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>716.494.928</b>	<b>661.192.749</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>716.494.928</b>	<b>661.192.749</b>

**3. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng cho công nhân viên	1.349.608.695	1.593.969.408
Tài sản thiếu chờ xử lý	736.966.376	736.966.376
<b>Cộng</b>	<b>2.086.575.071</b>	<b>2.330.935.784</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ( TIẾP THEO )**

**4. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổ hợp thủy điện Bản Cốc, Sao Va	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	678.042.909	390.360.191.485	1.556.544.104	437.719.790	393.032.498.288
Mua trong năm		31.200.000		10.272.727	41.472.727
XDCB hoàn thành		36.202.519.793			36.202.519.793
Tại ngày 31/12/2011	678.042.909	426.593.911.278	1.556.544.104	447.992.517	429.276.490.808
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	241.656.871	5.443.922.034	493.273.534	215.632.581	6.394.485.020
Khấu hao trong năm	53.310.732	25.329.240.235	119.311.286	59.391.788	25.561.254.041
Tại ngày 31/12/2011	294.967.603	30.773.162.269	612.584.820	275.024.369	31.955.739.061
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	436.386.038	384.916.269.451	1.063.270.570	222.087.209	386.638.013.268
Tại ngày 31/12/2011	383.075.306	395.820.749.009	943.959.284	172.968.148	397.320.751.747

**5. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	173.000.000	173.000.000
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2011	173.000.000	173.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2011	146.971.873	146.971.873
Khấu hao trong năm	26.028.127	26.028.127
Tại ngày 31/12/2011	173.000.000	173.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2011	26.028.127	26.028.127
Tại ngày 31/12/2011	-	-

01 / 01 / 01  
CỔ  
ĐIỂN  
HỮU  
HÌNH  
VÀ  
QUẢN  
LÝ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Bản Cốc	69.174.501	11.147.854.203
Công trình Nhà máy Thủy điện Sao Va	2.080.000	-
Công trình Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc	34.587.080.761	28.990.375.492
Khu điều dưỡng Cửa Lò	1.709.391.742	1.208.691.959
Trụ sở công ty	542.385.081	464.374.990
Công trình mỏ đá Pù Càng ( Quế Sơn, Quế Phong)	76.399.424	-
<b>Cộng</b>	<b>36.986.511.509</b>	<b>41.811.296.644</b>

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	-	318.487.383
Chi phí lãi vay treo lại	12.080.680.721	5.235.400.721
<b>Cộng</b>	<b>12.080.680.721</b>	<b>5.553.888.104</b>

**8. Vay và Nợ ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>16.300.000.000</b>	<b>6.700.000.000</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.700.000.000	4.750.000.000
<i>Ngân hàng NNo&amp;PTNT Quế Phong (*)</i>	4.700.000.000	4.750.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	11.600.000.000	1.950.000.000
<i>Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội</i>	11.000.000.000	-
<i>Vay cá nhân</i>	600.000.000	1.950.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.623.000.000</b>	-
Ngân hàng ĐT&PT Chi nhánh Quang Trung	3.623.000.000	-
<b>Cộng vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>19.923.000.000</b>	<b>6.700.000.000</b>

(\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 05102011/HDTD ngày 5/10/2011 với ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quế Phong. Số tiền vay là 4.700.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán cho các đơn vị tham gia thi công xây dựng các nhà máy thủy điện của công ty. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 19%/ năm, lãi suất được điều chỉnh khi lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thay đổi. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0902461 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2009 với giá trị tài sản đảm bảo là 5.297.700.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.796.295.913	1.148.618.429
Thuế thu nhập cá nhân	4.957.911	25.853.467
Thuế tài nguyên	265.669.197	1.641.252.392
<b>Cộng</b>	<b>3.066.923.021</b>	<b>2.815.724.288</b>

**10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	30.258.996.354	8.128.175.000
Chi phí phải trả khác	2.156.608.304	417.648.287
<b>Cộng</b>	<b>32.415.604.658</b>	<b>8.545.823.287</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	87.844.732	89.796.424
Bảo hiểm xã hội	170.327.112	23.149.748
Bảo hiểm y tế	18.502.750	4.752.380
Bảo hiểm thất nghiệp	9.517.989	2.714.210
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.113.652.649	100.896.000
<b>Cộng</b>	<b>5.399.845.232</b>	<b>221.308.762</b>

**12. Vay và Nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (*)	177.000.000.000	201.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quỳ (**)	29.287.000.000	33.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>206.287.000.000</b>	<b>234.580.000.000</b>

(\*) Khoản vay dài hạn được thực hiện dưới hình thức Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng số 06.1034329.02/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2006 từ các Ngân hàng và các tổ chức sau :

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung  
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam  
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Hà Nội  
Công ty Tài chính bưu điện

23  
T  
H  
H  
A  
N  
C  
I  
T  
E  
T  
P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Vay và Nợ dài hạn (Tiếp theo)**

Trong đó Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Quang Trung là Ngân hàng đầu mối. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 220.000.000.000 VND. Các khoản vay này sẽ được dùng để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án theo đúng kế hoạch góp vốn và sử dụng vốn Đầu tư dự án. Thời hạn vay theo Hợp đồng này là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các công trình dự án và các bất động sản của bên vay liên quan đến dự án Thủy điện và bằng quyền đối với vốn góp của các Cổ đông trong bên vay (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) theo hợp đồng thế chấp quyền đối với vốn góp trong Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong.

Lãi suất của các khoản bằng tổng của lãi suất tham chiếu và 3,6%/năm. "Lãi suất tham chiếu" có nghĩa là, đối với mỗi kỳ hạn tính lãi, mức bình quân của lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của tất cả các Bên cho vay, được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất tương ứng áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc quá hạn đó.

(\*\*)Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và PT Phú Quý theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐTĐ-SV ngày 12 tháng 8 năm 2007, số tiền cho vay tối đa là 39.815.000.000 đồng, mục đích vay vốn để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sao Va tại xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, thời hạn vay 9 năm kể từ ngày nhận món tiền vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo nguyên tắc lãi suất thả nổi trên cơ sở lãi suất xác định bằng giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng đối với VND + 3%/năm tại thời điểm xác định, giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng là lãi suất mua vốn dài hạn mà Ngân hàng phải trả cho Hội sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000	50.531.000.000	511.530.000	(844.844.616)	150.197.685.384
Tăng vốn trong năm	41.800.000.000	-	-	-	41.800.000.000
Lỗi trong năm	-	-	-	(1.318.046.735)	(1.318.046.735)
Tăng khác	50.531.000.000	-	-	-	50.531.000.000
Giảm khác	-	(50.531.000.000)	-	-	(50.531.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	192.331.000.000	-	511.530.000	(2.162.891.351)	190.679.638.649
Tăng vốn trong năm	4.500.000.000	-	-	-	4.500.000.000
Lỗi trong năm	-	-	-	(22.742.535.124)	(22.742.535.124)
Giảm khác (*)	(5.000.000.000)	-	-	-	(5.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	191.831.000.000	-	511.530.000	(24.905.426.475)	167.437.103.525

(\*) Điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu do năm 2010 hạch toán nhầm bút toán góp vốn theo hợp đồng số 26/2010/HĐ-HTĐT ngày 23 tháng 12 năm 2010 với công ty Cổ phần Za Hung về việc hợp tác đầu tư khai thác đường dây 110KV từ Trung Bành đến ngã ba Săng Lê và ngăn lộ trạm biến áp Qùy Hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Tài chính Bưu điện	15.536.280.000	15.536.280.000
Công ty TNHH Tư vấn TK XD và CN Hà Nội	9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	108.731.920.000	108.731.920.000
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	20.500.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Các cổ đông khác	2.662.800.000	7.662.800.000
<b>Cộng</b>	<b>191.831.000.000</b>	<b>192.331.000.000</b>

c. Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.500.000	44.500.000
Số lượng cổ phần đã bán ra	19.183.100	19.683.100
- Cổ phần phổ thông	19.183.100	19.233.100
Số lượng cổ phần đang lưu hành	19.183.100	19.683.100
- Cổ phần phổ thông	19.183.100	19.233.100

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.005.720.600	42.053.131.815
Trong đó:		
- Doanh thu bán điện	48.005.720.600	42.053.131.815

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn bán điện	34.534.766.767	9.064.180.194
<b>Cộng</b>	<b>34.534.766.767</b>	<b>9.064.180.194</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( TIẾP THEO )**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. Thu nhập khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bảo hiểm rủi ro công trình	479.907.998	-
Thu thanh lý tài sản	3.000.000	-
Thu nhập khác (*)	4.016.083.034	-
<b>Cộng</b>	<b>4.498.991.032</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản thu nhập từ việc bán CER trong năm 2011 theo công văn số 29/CV -VNEEC ngày 28/02/2012 của công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường.

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.742.535.124)	(1.318.046.735)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(22.742.535.124)	(1.318.046.735)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	18.834.333	16.519.426
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( VND/cổ phiếu)</b>	<b>(1.208)</b>	<b>(80)</b>


**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**Đoàn Kim Đông**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 28 tháng 03 năm 2012

  
**Trần Thị Thúy**  
**Phó phòng kế toán**